

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 30-CT ngày 23-1-1992 về việc xây dựng Dự án Luật thuế nông nghiệp.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị quyết về Dự án Luật thuế nông nghiệp ngày 12 tháng 8 năm 1991 của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 9;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Chuyển tổ chỉ đạo xây dựng Luật thuế sử dụng đất, Luật thuế hoa lợi trên đất, theo Quyết định số 282-CT ngày 7 tháng 8 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thành tổ xây dựng Dự án Luật thuế nông nghiệp. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chỉ đạo xây dựng Dự án Luật thuế nông nghiệp giữ nguyên như quyết định 282-CT ngày 7 tháng 8 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. - Đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ đương nhiệm là thành viên tổ chỉ đạo xây dựng Dự án Luật thuế nông nghiệp thay đồng chí Nguyễn Hà Phan. Mọi thành viên khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 282-CT ngày 7 tháng 8 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3. - Căn cứ ý kiến của Quốc hội và nhân dân tham gia Dự án Luật thuế nông nghiệp và Dự án Luật thuế sử dụng đất, tiếp tục nghiên cứu xây dựng Dự án Luật thuế nông nghiệp ngay từ quý I năm 1992 và tổ

chức thí điểm Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp ở một số địa phương.

Điều 4. - Trước mắt tiếp tục thực hiện Pháp lệnh thuế nông nghiệp hiện hành.

Điều 5. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi Quốc hội thông qua Dự án Luật thuế nông nghiệp.

Điều 6. - Các thành viên tổ chỉ đạo nghiên cứu Dự án Luật thuế nông nghiệp, Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 33-CT ngày 27-1-1992 về việc thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn Quốc gia Bến En.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét tờ trình số 582-NN/UBTH ngày 16-8-1990 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và tờ trình số 233-LN/KL ngày 9-2-1991 của Bộ Lâm nghiệp về việc đề nghị phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn Quốc gia Bến En,

Căn cứ đề nghị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tại văn bản số 22-UB/XD/NL ngày 9-1-1992 về việc phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật này,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Vườn Quốc gia Bến En trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. - Phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn Quốc gia Bến En theo những nội dung và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Vườn Quốc gia Bến En

- Chủ quản đầu tư: Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Chủ đầu tư: Giám đốc Vườn Quốc gia Bến En
- Thời hạn đầu tư: 1992 - 2000 (9 năm)

2. Địa điểm và phạm vi quản lý:

Vườn Quốc gia Bến En nằm trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa có diện tích: 16.634 héc ta

Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc từ Đập Mây theo đông 225 về đồi Chu tới đỉnh 187 gặp suối Dàm, theo suối Dàm đến đường 15A.
- Phía Tây: Tiếp đường 15A theo suối Xuân Dàm đến đầu đông Bao Cù, chạy dọc đông đến đỉnh 64.
- Phía Nam: Từ đỉnh 64 theo đông về làng Quảng tới dốc Quảng.
- Phía đông: Từ dốc Quảng theo đông sang dốc Cúc qua Đỉnh Đầu lớn, theo đông Đông Kinh về đập Mây.

Tọa độ địa lý:

Từ 19°31' đến 19°43' độ vĩ Bắc
105°25' đến 105°38' độ kinh Đông

3. Nhiệm vụ:

- Bảo tồn hệ sinh thái rừng núi đất nhiệt đới ẩm thường xanh và nửa rụng lá (đặc

trung là kiểu rừng Lim - Săng Lẻ). Phục hồi các loài động, thực vật quý, hiếm (voi, khỉ vàng, sóc bay, hổ, báo,... lim xanh, chò chỉ, vù hương, đinh hương...). Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, phục hồi rừng.

- Thực hiện các dịch vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực nghiệm phục vụ các yêu cầu phát triển sản xuất lâm nghiệp của vùng, thực hiện các chương trình nghiên cứu bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn nguồn gen.

- Tiến hành các chương trình tuyên truyền, giáo dục bảo vệ tự nhiên môi trường và các dịch vụ tham quan, du lịch, học tập.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức ổn định dân cư, xây dựng vùng đệm, bảo vệ vườn.

Căn cứ vào những nhiệm vụ này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Bộ Lâm nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo giám đốc Vườn cụ thể hóa nhiệm vụ thành chương trình hoạt động cụ thể để thực hiện, trong đó cần chú trọng chương trình vào vệ Vườn, chương trình nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu khoa học, tham quan học tập, du lịch, nhằm phát huy đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Vườn phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn.

4. Phân khu chức năng:

a) *Khu bảo vệ nguyên vẹn* (bảo vệ nghiêm ngặt): có chức năng chủ yếu là bảo tồn các hệ sinh thái rừng núi đất điển hình, bảo vệ các khu cư trú và hoạt động sinh sống thường xuyên của động vật rừng, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

- Diện tích: 6497 héc ta

b) *Khu phục hồi*: có chức năng chủ yếu là bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái và động, thực vật rừng chủ yếu bằng phục hồi tự nhiên và thực hiện các biện pháp thực nghiệm nghiên cứu phục hồi rừng.

- Diện tích: 6010 héc ta

c) *Khu hành chính, quản lý*: có chức năng chủ yếu là xây dựng các công trình phục vụ nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động

về quản lý, dịch vụ du lịch, tham quan, học tập, sinh hoạt và kết hợp tổ chức các hoạt động sản xuất phục vụ các chương trình của Vườn.

- Diện tích: 4.127 héc ta, trong đó có 2.218 héc ta là hồ nước.

d) *Vùng đệm*: có chức năng chủ yếu là làm vành đai bảo vệ vườn, đồng thời giải quyết các nhu cầu về lâm sản của nhân dân tạo điều kiện tổ chức và ổn định đời sống dân cư trong vùng.

- Diện tích khoảng: 30.000 héc ta (trong đó có 12.500 héc ta trong quy hoạch để bảo vệ đàn voi. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Bộ Lâm nghiệp cần xem xét cụ thể để đưa vào phạm vi quản lý của vườn).

5. Đầu tư xây dựng cơ bản, gồm các hạng mục:

a) *Phục vụ chương trình bảo vệ vườn*:

- Xác định ranh giới và xây dựng hệ thống cọc, cột biển mốc, các biển báo, bảng niêm yết và nội quy bảo vệ vườn.

- Xây dựng hệ thống trạm bảo vệ: (gồm 7 trạm và các trang bị phục vụ)

- Trồng mới hoặc trồng lại rừng: 500 héc ta (nơi cần thiết) và tổ chức khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên.

- Chuyển số dân nhập cư tự do và 3 đội sản xuất lâm nghiệp ra khỏi vườn.

- Hỗ trợ dân vùng đệm tổ chức lại sản xuất thực hiện định canh định cư cho 3 bản.

b) *Phục vụ chương trình nghiên cứu khoa học*:

- Xây dựng các điểm định vị, các chòi quan sát rừng.

- Xây dựng 20 héc ta vườn thực vật.

- Xây dựng khu nuôi động vật bán tự nhiên.

- Xây dựng 2 trạm khí tượng.

- Nhà lưu trữ, thư viện, phòng thí nghiệm và nhà làm việc phục vụ nghiên cứu khoa học (200m²)

- Lập hồ sơ cơ bản của vườn

c) *Phục vụ chương trình tuyên truyền, giáo dục, tham quan, du lịch*:

- Trồng cây ăn quả, cây đặc sản, cây phong cảnh trên các đảo (20 héc ta)

- Đường tham quan 3 km (đường xe thô sơ, xe máy, xe đạp, ngựa thồ và người đi bộ)

- Trạm đón tiếp khách, nhà nghỉ

- Tu bổ các điểm tham quan.

- Một số phương tiện vận tải thủy cần thiết phục vụ tham quan trên hồ.

- Các trang bị phục vụ chương trình tuyên truyền, giáo dục, tham quan, học tập.

d) *Các hạng mục công trình phục vụ quản lý*:

- Nhà làm việc của ban quản lý vườn với quy mô, diện tích thích hợp

- Nhà ở của cán bộ công nhân viên (theo tiêu chuẩn và biên chế được duyệt).

- Hệ thống điện nước, thông tin liên lạc và các trang thiết bị cho công tác phục vụ.

d) *Vốn đầu tư*:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư (từ 1992 - 2000) là: 3.520.000.000 đồng, trong đó đầu tư bằng vốn ngân sách cho chương trình bảo vệ vườn, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý vườn, hỗ trợ vùng đệm và di chuyển dân là 2.800.000.000 đồng, trong đó:

xây lắp 2.260.000.000 đồng

thiết bị 250.000.000 đồng

KTCB khác 290.000.000 đồng

- Vốn đầu tư cho các chương trình phát triển dịch vụ tham quan du lịch, và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác sẽ huy động từ các nguồn vốn khác hoặc vay tín dụng đầu tư để thực hiện.

6. Phân giao trách nhiệm và tiến độ thực hiện:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm: Chỉ đạo kiểm tra việc thiết kế, thi công, quản lý và xây dựng công trình theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt và những quy định hiện hành về quản lý xây

dựng cơ bản. Tổ chức ổn định sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng đệm; tuyên truyền giáo dục nhân dân địa phương tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ vườn quốc gia, không ngừng phát triển tài nguyên rừng, chấm dứt nạn khai thác trái phép lâm sản và săn bắt động vật rừng trong vườn.

- Bộ Lâm nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra về nghiệp vụ khoa học, kỹ thuật trong việc tổ chức, xây dựng vườn đảm bảo các yêu cầu thống nhất trong hệ thống vườn quốc gia cả nước.

Điều 3. - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Bộ trưởng các Bộ: Lâm nghiệp, Tài chính, Xây dựng; Chủ nhiệm: Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban khoa học Nhà nước; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Thủ trưởng các ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHÁI